

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **51/2022/DS-ST**
Ngày 09-8-2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Tuyền

Các Hội Thẩm nhân dân:

Ông Phạm Hữu Thắng

Ông Huỳnh Hoài Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Ngọc Hân là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Không có.

Trong ngày 09 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 66/TLST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2022/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng H.

Địa chỉ: Tòa nhà N, đường H, phường T, quận C, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đặng Thanh B (có mặt), chức vụ: Phó phòng giao dịch Ngân hàng H - Chi nhánh Sóc Trăng. Địa chỉ: Số S đường Q, phường H, thành phố P ủy quyền tham gia giải quyết vụ án số 39/NHHT.ST ngày 20/5/2022)

- Bị đơn: Ông Trần Kim H, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số B đường N, khóm B, phường H, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Mã Tú T, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở hiện nay: Số N đường T, khóm H, phường N, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/3/2022 của nguyên đơn Ngân hàng H, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Đặng Thanh B trình bày:

Ngày 22/01/2019 ông Trần Kim H có vay của Ngân hàng H – Chi nhánh Sóc Trăng – Phòng giao dịch Sóc Trăng (sau đây viết tắt Ngân hàng) theo Hợp đồng cho vay số 023.18/19/HĐCV với số tiền vay 150.000.000 đồng; Thời hạn vay 05 năm (từ ngày 22/01/2019 đến ngày 22/01/2024); lãi suất 10,56%/năm; Mục đích sử dụng vốn: Tiêu dùng gia đình. Kể từ ngày vay đến nay ông H đã trả nợ gốc số tiền 62.500.000 đồng, đã trả lãi số tiền 25.810.510 đồng. Tổng dư nợ gốc còn lại theo hợp đồng tín dụng là 101.600.493 đồng; trong đó nợ gốc là 87.500.000 đồng, tiền lãi trong hạn tạm tính kể từ ngày 29/01/2021 đến ngày 09/8/2022 là 14.100.493 đồng ($87.500.000 \text{ đồng} \times 10,56\%/\text{tháng} \times 557 \text{ ngày})/365 \text{ ngày}$) lãi quá hạn: 0 đồng. Nay Ngân hàng H yêu cầu Tòa giải quyết: Buộc ông Trần Kim H và bà Mã Tú T phải thực hiện nghĩa vụ trả gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng H với tổng số tiền vốn và lãi tạm tính đến ngày 09/8/2022 tổng cộng là: 101.600.493 đồng; trong đó nợ gốc là 87.500.000 đồng, tiền lãi trong hạn tạm tính kể từ ngày 29/01/2021 đến ngày 09/8/2022 là 14.100.493 đồng ($87.500.000 \text{ đồng} \times 10,56\%/\text{tháng} \times 557 \text{ ngày})/365 \text{ ngày}$) lãi quá hạn: 0 đồng và tiếp tục chịu lãi suất phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ.

- Bị đơn ông Trần Kim H từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay đều vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến gì.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mã Tú T từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay đều vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến gì.

Những tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phản đối những tình tiết sự kiện mà nguyên đơn đưa ra.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến trình bày của các đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa bị đơn ông Trần Kim H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mã Tú T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan T.

[2] Theo các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và tài liệu do nguyên đơn cung cấp, căn cứ khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 95 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử công nhận trên thực tế giữa Ngân hàng

và ông Trần Kim H có giao kết Hợp đồng cho vay số 023.18/19/HĐCV với số tiền vay 150.000.000 đồng ngày 22/01/2019 và ông Trần Kim H đã nhận đủ số tiền gốc 150.000.000 đồng lãi suất cho vay là 10,56%/năm, lãi quá hạn bằng 150%/lãi trong hạn. Sau khi vay bị đơn đã trả được số tiền vốn là 62.500.000 đồng và lãi 25.810.510 đồng cho Ngân hàng, tính đến ngày 09/8/2022 ông H còn nợ Ngân hàng số tiền tổng cộng là: 101.600.493 đồng; trong đó nợ gốc là 87.500.000 đồng, tiền lãi trong hạn tạm tính kể từ ngày 29/01/2021 đến ngày 09/8/2022 là 14.100.493 đồng.

[3] Xét việc Ngân hàng yêu cầu vợ của ông H là bà Mã Tú T cùng có trách nhiệm trả các khoản nợ trên, thấy rằng tuy Hợp đồng cho vay số 023.18/19/HĐCV không thể hiện bà T có nợ tiền của Ngân hàng nhưng tại phương án sử dụng vốn vay và cam kết trả nợ ngày 16/01/2019 bà T có ký tên với tư cách là vợ ông H, đồng thời bà T cũng là người trả tiền cho Ngân hàng vào các ngày 17/01/2020 số tiền 3.766.000 đồng; ngày 13/12/2019 số tiền 3.791.000 đồng; ngày 08/11/2019 số tiền 4.493.500 đồng. Hơn nữa, tại Hợp đồng cho vay số 023.18/19/HĐCV thể hiện mục đích sử dụng tiền vay là tiêu dùng gia đình. Theo Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì “vợ hoặc chồng phải chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch dân sự hợp pháp do một trong hai người thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt thiết yếu của gia đình” nên bà T cũng phải có trách nhiệm liên đới với ông H để trả số nợ trên theo yêu cầu của Ngân hàng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ. Do ông H, vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên việc Ngân hàng yêu cầu trả số tiền còn nợ nêu trên là có căn cứ phù hợp với thỏa thuận tại các Điều 13 của hợp đồng tín dụng và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 13; Điều 18; Điều 27; Điều 30 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

[5] Như đã phân tích nêu trên lời đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn Ngân hàng không phải chịu án phí. Bị đơn ông Trần Kim H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mã Tú T phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 5.080.024 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, các Điều 92; Điều 95, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Khoản 1 Điều 273, Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 13; Điều 18; Điều 27; Điều 30 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng H.

2. Buộc bị đơn ông Trần Kim H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mã Tú T có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng H số tiền vốn và lãi còn nợ tổng cộng là: 101.600.493 đồng; trong đó nợ gốc là 87.500.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 14.100.493 đồng.

Kể từ ngày 10/8/2022 ông Trần Kim H, bà Mã Tú T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà ông H và bà T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng H cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng H.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn Ngân hàng H không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.400.000 đồng theo biên lai thu số 0000456 ngày 26/4/2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn ông Trần Kim H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mã Tú T phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 5.080.024 đồng.

4. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSNDTPST;
- Chi cục THADSTPST;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Thị Bích Tuyên